

Tuần 13, 10/04/2026

Tạm thời “thở phào”

Tiêu điểm:

- Chiều 9/4, tân Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Phạm Đức Ấn đã chủ trì cuộc họp với đại diện 46 ngân hàng thương mại để triển khai công tác ngành ngân hàng.
- Mỹ - Iran đạt được lệnh ngừng bắn hai tuần để dọn đường đàm phán. Tuy nhiên, truyền thông Iran sau đó đưa tin nước này đang đình chỉ cho phép tàu qua eo biển Hormuz và đe dọa rút khỏi thỏa thuận ngừng bắn vì Israel tiếp tục tấn công vào Lebanon.
- FTSE Russell vừa chính thức xác nhận lộ trình nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam lên mới nổi thứ cấp. Việc đưa cổ phiếu Việt Nam vào các bộ chỉ số toàn cầu của tổ chức này bắt đầu từ tháng 9-2026 và hoàn tất một năm sau đó.

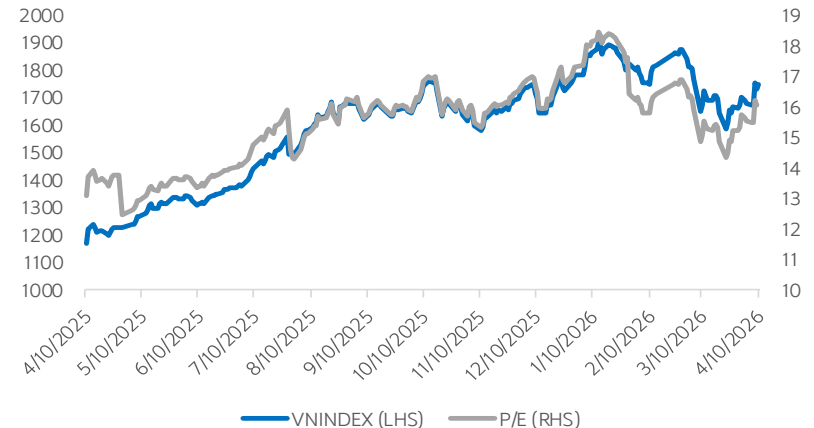
Đánh giá: Thị trường có tuần giao dịch tích cực với nhiều thông tin hỗ trợ từ trong và ngoài nước. Cụ thể, các thông tin ngừng bắn 2 tuần và kì công bố rà soát nâng hạng của FTSE rạng sáng ngày 08/04 đã khiến chỉ số tăng gần 80 điểm với thanh khoản vượt trội. Tuy nhiên, chúng tôi cho rằng phần lớn chủ yếu đến từ thông tin tạm ngừng bắn vì các thị trường Châu Á cũng đã có mức tăng cao trong tuần rồi. Về xu hướng trung dài hạn, thị trường vẫn duy trì thận trọng khi nhận thấy sự mong manh trong thỏa thuận ngừng bắn trên. Chúng tôi cho rằng trong ngắn hạn tâm lý thị trường đã cải thiện tốt hơn nhưng xu hướng chính vẫn cần phải chờ đợi thêm.

Góc nhìn kĩ thuật: VN-Index đóng cửa tuần tại 1,750.04 điểm (+65.9 điểm; +3.92%) trên đồ thị tuần với thanh khoản vượt trội. Xu hướng trung dài hạn vẫn là đi ngang trong biên độ 1,600 – 1,800. Trong ngắn hạn, thị trường xác suất cao sẽ tiến về vùng 1,800 – 1,850 biên trên của vùng giao dịch.

Ý tưởng đầu tư: Nhà đầu tư hạn chế mua đuổi vì xu hướng chính vẫn đang là đi ngang trong biên độ. Ưu tiên các nhóm ngành gắn với động lực nội địa như đầu tư công, ngân hàng và vật liệu xây dựng. Đối với nhóm bất động sản, sau giai đoạn chiết khấu sâu, tín hiệu dòng tiền quay trở lại đã xuất hiện trong các phiên gần đây. Ngoài ra, nhóm chứng khoán tiếp tục được hỗ trợ bởi câu chuyện nâng hạng thị trường

Tên chỉ số	Giá đóng cửa 1W	% Thay đổi				Xu hướng	Định giá		Vốn hóa (Tỷ USD)
		1M	3M	YTD	P/E		P/B		
VN-Index	1,750	3.9	4.4	-6.3	-1.9		16.1	2.1	310
Upcom Index	127	0.7	4.2	4.6	5.3		11.4	1.6	25
HNX Index	252	1.3	4.9	1.9	1.3		13.6	1.5	15
VN30 Index	1,837	4.9	5.0	-6.7	-5.0		14.8	2.2	215
S&P 500 Index	6,825		0.6	-2.0	-0.3		26.7	5.3	60,834
STOXX Europe 600 Index	615	2.9	1.3	0.7	3.7		17.6	2.4	18,395
Hang Seng	25,894	3.1	-0.3	-1.3	1.0		13.3	1.4	3,889
Nikkei 225	56,924	7.2	4.9	9.6	13.1		21.8	2.7	5,986
SHCOMP Index	3,914	2.7	-3.3	-3.3	0.4			1.5	9,245
STI Index	4,986	0.8	2.6	5.1	7.3		17.2	1.6	585
KOSPI Index	5,377	9.0	5.9	27.7	39.0		21.8	1.8	3,104

Nguồn: Bloomberg



Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Nam Hoàng, CFA

☎ (84-28) 5808 7603

✉ nam.h@shinhan.com

Theo dõi Zalo của SSV,
Cập nhật báo cáo mới nhất



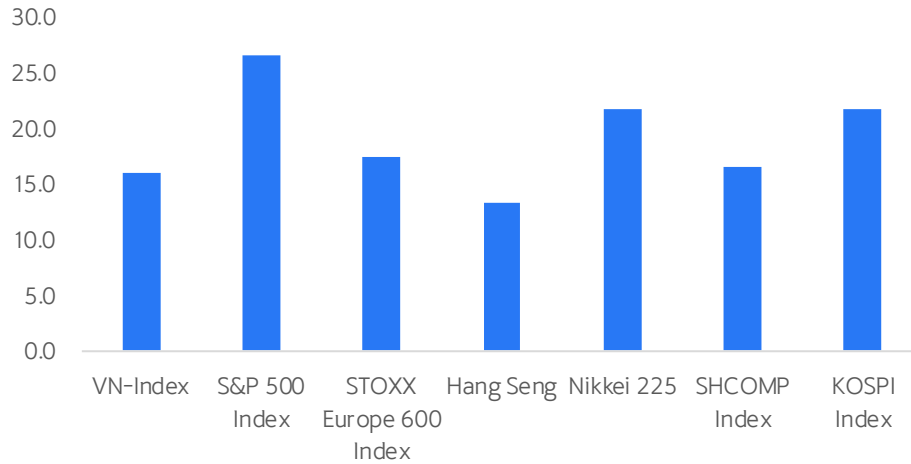
Bấm vào hình hoặc quét QR

Giá trị vốn hóa	% Thay đổi GTGD				% Tỷ trọng GTGD		Định giá			Vốn hóa (Tỷ VND)			
	1W	1M	3M	YTD	1W	1M	3M	YTD	Current		Change	P/E	P/B
Large Cap	4.2	3.8	-6.0	-0.8	-4.5	-24.3	-28.4	-26.6	90.6	-0.1	14.8	2.3	7,628,290
Mid Cap	1.2	0.1	-0.6	2.0	-3.3	-23.7	-29.3	-27.2	8.9	0.1	11.1	1.2	528,489
Small Cap	0.9	-0.4	-3.8	-3.8	2.6	-10.1	-23.2	-21.7	0.5	0.0	11.0	0.7	68,438

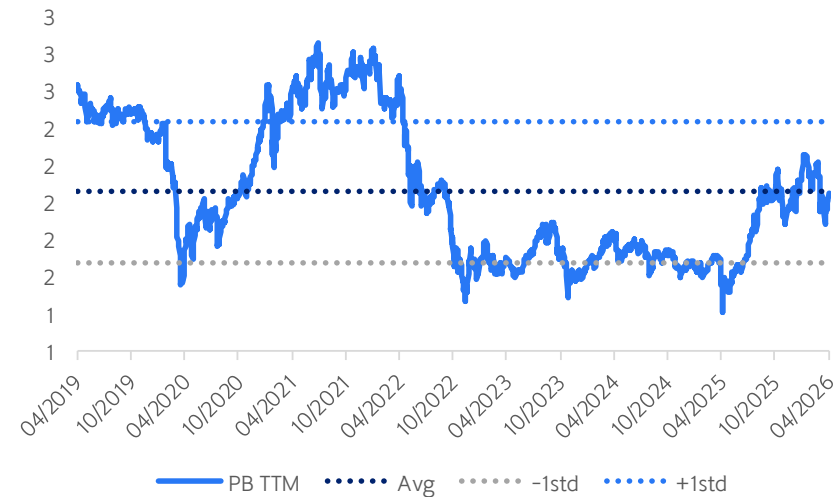
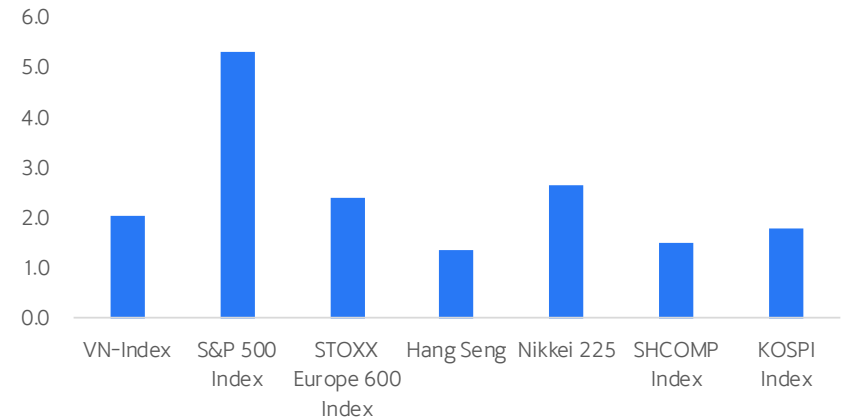
Theo ngành		% Thay đổi GTGD				% Tỷ trọng GTGD		Định giá			Vốn hóa (Tỷ VND)		
Tên ngành	1W	1M	3M	YTD	1W	1M	3M	YTD	Current	Change		P/E	P/B
Bất động sản	5.5	8.6	-7.1	-10.5	-2.2	-3.1	-17.4	-16.0	16.4	0.2	26.3	2.9	2,092,803
Ngân hàng	5.0	4.4	-9.0	2.9	4.6	-17.9	-32.3	-30.3	25.3	2.0	9.6	1.6	2,640,292
Tài nguyên cơ bản	4.7	4.1	0.8	6.4	5.8	-23.1	-28.0	-26.4	5.6	0.5	14.3	1.5	256,912
Công nghệ Thông tin	4.6	-0.6	-21.0	-17.5	-33.0	-48.2	-55.0	-52.7	2.8	-1.2	14.1	3.0	147,124
Tài chính	3.6	3.2	0.9	9.7	-3.7	-29.1	-24.5	-23.2	14.5	0.0	17.3	2.0	538,515
Hàng hóa dịch vụ & Công nghiệp	3.5	10.4	0.3	-0.6	8.2	-16.4	-9.1	-8.3	7.4	0.8	16.0	2.3	262,820
Hóa chất	3.2	-3.0	5.2	21.2	-28.5	-46.3	-31.8	-29.6	4.8	-1.7	16.0	1.9	231,705
Xây dựng và vật liệu	3.0	1.5	-2.0	1.6	0.3	2.6	10.6	10.0	6.7	0.3	11.2	1.4	146,181
Truyền thông	2.8	-4.9	-11.6	-8.5	-17.3	-16.9	-32.3	-29.5	0.1	0.0	23.0	0.9	2,458
Thực phẩm và đồ uống	2.1	-0.5	-7.2	-7.5	-3.0	-30.7	-42.5	-40.4	5.5	0.0	17.3	3.2	619,362
Dầu khí	1.7	-16.0	22.2	42.7	-13.9	-48.7	-44.2	-42.0	4.2	-0.5	26.0	2.4	205,074
Tiện ích	1.2	-5.2	-10.2	4.5	-16.9	-50.2	-48.7	-46.5	2.1	-0.3	13.6	2.0	340,459
Ô tô & Phụ tùng	0.8	1.4	8.1	6.7	11.3	38.6	62.3	56.4	0.6	0.1	3.9	1.1	18,476
Du lịch và Giải trí	0.8	5.6	-12.3	-10.6	5.4	-8.6	-22.1	-21.2	1.5	0.1	25.3	4.7	322,072
Hàng cá nhân & Gia dụng	0.6	-5.0	1.7	5.2	-18.6	-28.2	-44.4	-41.9	0.9	-0.2	6.9	1.7	62,383
Bán lẻ	0.6	3.9	7.5	4.5	-16.3	-31.3	-42.3	-40.0	1.0	-0.2	31.0	3.5	46,405
Dược và Y tế	-2.3	-2.6	-1.0	-0.1	38.8	22.4	17.3	14.6	0.2	0.1	18.8	2.2	40,177
Bảo hiểm	-8.9	5.6	12.0	26.1	-21.0	0.4	-29.3	-27.9	0.4	-0.1	16.1	2.0	70,059

Nguồn: ICB cấp 2 - Fiinpro, Bloomberg

P/E



P/B



WEEKLY SNAPSHOT

Sự dịch chuyển dòng vốn & Giao dịch giữa các nhóm nhà đầu tư



Quốc gia	Dòng vốn ròng (Triệu USD)			
	WTD	MTD	QTD	YTD
Trung Quốc*	n.a	31,524	24,292	120,517
Ấn độ	-1,811	-2,827	-2,827	-18,618
Indonesia	-205	-263	-263	-2,211
Nhật Bản*	18,536	18,536	18,536	6,844
Mayaysia	100	161	161	452
Hàn Quốc	2,737	2,857	2,857	-34,156
Sri Lanka	-6	-6	-6	-70
Đài Loan	5,240	4,703	4,703	-14,209
Thái Lan	167	297	297	937
Việt Nam	-154	-134	-134	-1,243

*Trung Quốc: Số liệu có độ trễ 1 quý, Nhật Bản: Số liệu có độ trễ 1 tuần.

Nguồn: Bloomberg

Tên ETF	Tài sản (Triệu USD)	Dòng vốn ròng (Triệu USD)			
		1W	1M	3M	YTD
Tổng các quỹ ETF	2,477	-5.1	-59.7	-103.5	-655.3
Nước ngoài	1,742	-4.3	-65.9	-94.3	-527.9
VanEck Vectors Vietnam ETF	537	-3.5	-57.4	-69.4	-79.2
Fubon FTSE Vietnam ETF	418	-0.9	-6.1	-31.9	-398.5
iShares MSCI Frontier and Select EM	188	0.0	0.0	0.0	-1.4
Xtrackers FTSE Vietnam Swap ETF	367	0.0	-2.4	9.2	-27.6
KIM KINDEX Vietnam VN30 ETF	215	0.0	0.0	-2.2	-12.2
Premia MSCI Vietnam ETF	6	0.0	0.0	0.0	-9.1
KIM KINDEX Vietnam VN30 Future	2	0.0	0.0	0.0	0.0
Asian Growth CUBS ETF	10	0.0	0.0	0.0	0.0
Trong nước	735	-0.8	6.1	-9.2	-127.4
DCVFMVN Diamond ETF	438	0.0	0.0	0.0	0.0
DCVFMVN30 ETF Fund	231	-0.9	6.0	-8.2	-115.0
SSIAM VNFIN LEAD ETF	21	0.0	0.3	1.0	-2.2
MAFN VN30 ETF	30	0.0	-0.4	-2.5	-9.2
SSIAM VNX50 ETF	6	0.0	0.0	0.0	-1.0
VinaCapital VN100 ETF	0	0.0	0.0	0.0	0.0
SSIAM VN30 ETF	9	0.1	0.3	0.5	-0.1

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Chú thích:

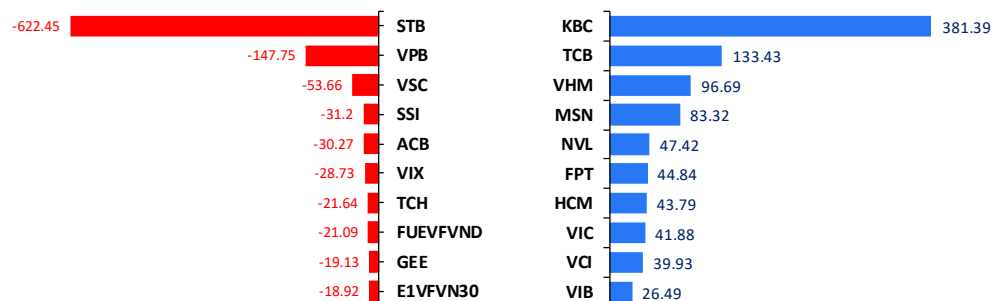
WTD: từ đầu tuần

MTD: từ đầu tháng

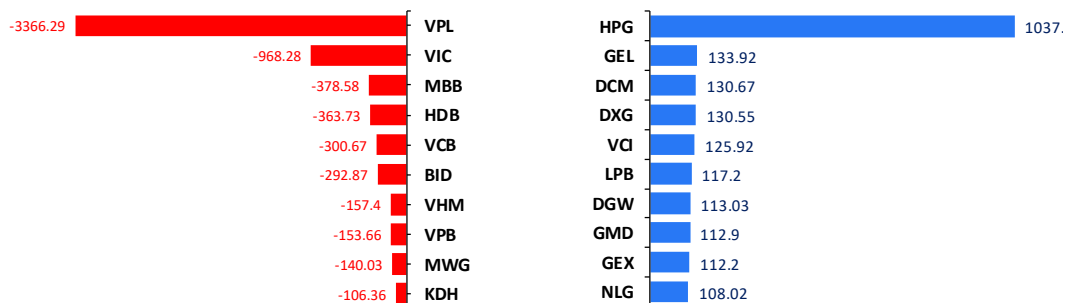
QTD: từ đầu quý

YTD: từ đầu năm

Top mua bán ròng của tự doanh CTCK (tỷ VND)



Top mua bán ròng khối ngoại (tỷ VND)



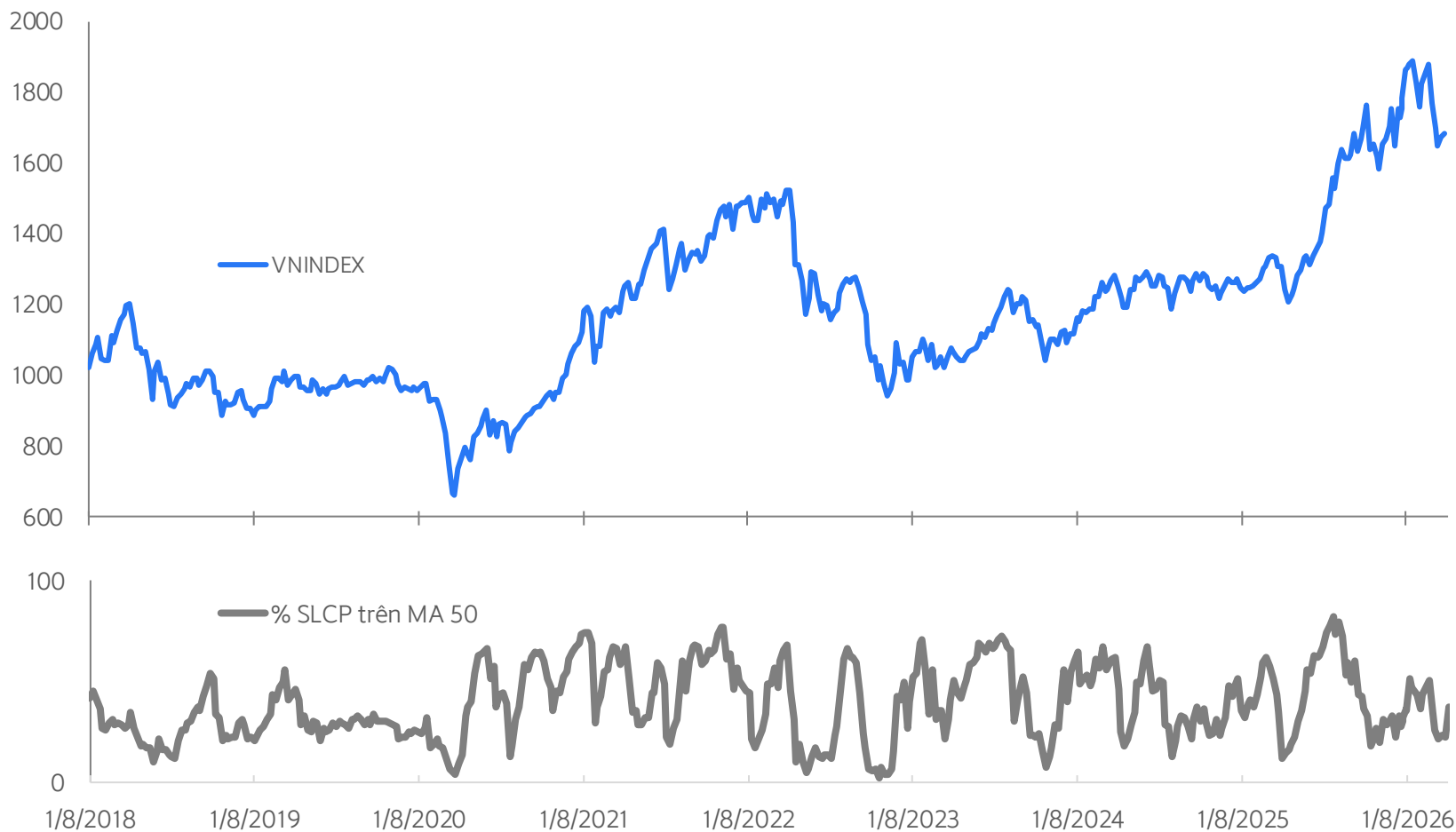
Nguồn: Fiinpro, Shinhan Securities Vietnam

Giao dịch ròng trong tuần của tự doanh và các nhà đầu tư theo nhóm ngành (tỷ VND)

Ngành ICB cấp 2	Tự doanh (tỷ VND)	Nước ngoài (tỷ VND)	Cá nhân trong nước (tỷ VND)	Tổ chức trong nước (tỷ VND)
Bất động sản	561	-813	1,200	-386
Tài nguyên Cơ bản	-3	923	-626	-297
Truyền thông	0	0	0	0
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-53	240	-400	160
Y tế	0	0	3	-3
Hóa chất	-1	228	-97	-131
Dịch vụ tài chính	-19	249	76	-325
Du lịch và Giải trí	16	-18	47	-29
Ngân hàng	-587	-1,645	1,700	-54
Xây dựng và Vật liệu	-10	-22	374	-353
Thực phẩm và đồ uống	80	-7	-26	33
Bán lẻ	-9	-66	162	-96
Điện, nước & xăng dầu khí	-4	31	-565	533
Hàng cá nhân & Gia dụng	-7	-6	-64	71
Công nghệ Thông tin	45	27	124	-152
Ô tô và phụ tùng	-21	82	-25	-58
Bảo hiểm	0	-10	30	-20
Dầu khí	5	-38	71	-33
Tổng	-8	-845	1,984	-1,139

Nguồn: Fiinpro, Shinhan Securities Vietnam

Không bao gồm giá trị giao dịch thỏa thuận



Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Ngân hàng				Bất động sản				Bảo hiểm và dịch vụ tài chính				Tài nguyên Cơ bản và xây dựng vật liệu				Hàng & Dịch vụ Công nghiệp và Hàng cá nhân & gia dụng			
Ticker	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn	Ticker	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn	Ticker	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn	Ticker	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn	Ticker	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn
SHB	56	Strong	Neutral	DXG	60	Strong	Strong	BVH	45	Neutral	Weak	HPG	59	Strong	Strong	GEX	63	Too hot	Strong
MBB	54	Neutral	Neutral	NVL	75	Too hot	Strong	BMI	35	Strong	Neutral	NKG	54	Strong	Neutral	VSC	55	Neutral	Strong
HDB	54	Strong	Neutral	DIG	55	Strong	Neutral	BIC	48	Strong	Strong	HSG	56	Strong	Neutral	PVT	50	Neutral	Neutral
VPB	56	Strong	Neutral	VRE	54	Strong	Neutral	VIX	58	Too hot	Neutral	SMC	69	Too hot	Strong	GMD	45	Weak	Neutral
MSB	73	Too hot	Strong	PDR	54	Strong	Neutral	SSI	52	Strong	Weak	CII	56	Strong	Strong	HAH	48	Neutral	Weak
TCB	58	Strong	Neutral	VIC	58	Too hot	Strong	VND	53	Strong	Neutral	HHV	60	Strong	Strong	GEE	57	Too hot	Strong
EIB	55	Neutral	Strong	KDH	51	Neutral	Neutral	VCI	55	Strong	Strong	VCG	58	Strong	Strong	VOS	47	Neutral	Weak
ACB	53	Neutral	Neutral	VHM	66	Too hot	Strong	HCM	67	Too hot	Strong	PCI	52	Neutral	Neutral	APH	44	Neutral	Weak
TPB	50	Neutral	Neutral	TCH	58	Strong	Strong	TCX	48	Neutral	Weak	FCN	65	Too hot	Strong	VTP	50	Neutral	Neutral
STB	62	Strong	Strong	KBC	61	Too hot	Strong	ORS	53	Strong	Neutral	VGC	52	Neutral	Neutral	SBG	32	Neutral	Weak
CTG	51	Neutral	Weak	HDG	47	Weak	Neutral	VDS	50	Strong	Weak	DPG	53	Strong	Neutral	REE	51	Neutral	Neutral
VIB	57	Strong	Neutral	HDC	54	Strong	Neutral	FTS	50	Strong	Weak	CTD	50	Neutral	Neutral	PAC	49	Neutral	Neutral
SSB	61	Neutral	Neutral	NLG	55	Neutral	Strong	CTS	49	Neutral	Weak	CTR	50	Neutral	Weak	TV2	48	Neutral	Neutral
VCB	50	Neutral	Weak	DXS	62	Too hot	Strong	BSI	54	Strong	Neutral	HT1	49	Neutral	Neutral	TCM	39	Neutral	Weak
NAB	60	Strong	Neutral	NTL	50	Neutral	Neutral	TCI	71	Too hot	Strong	CTI	47	Neutral	Neutral	TLG	54	Neutral	Neutral
OCB	60	Strong	Neutral	SIP	56	Strong	Neutral	TVB	55	Neutral	Neutral	BMP	48	Neutral	Weak	PNJ	48	Neutral	Weak
BID	48	Neutral	Weak	SZC	46	Neutral	Weak	DSE	52	Neutral	Neutral					MSH	52	Neutral	Neutral
LPB	75	Too hot	Strong	BCM	50	Strong	Weak												
Công nghệ thông tin và bán lẻ				Dầu khí & điện nước và Tiện ích				Thực phẩm và đồ uống				Truyền thông và y tế				Du lịch & giải trí và Ô tô phụ tùng			
Ticker	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn	Ticker	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn	Ticker	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn	Ticker	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn	Ticker	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn
FPT	47	Neutral	Weak	PVD	46	Neutral	Weak	MSN	59	Strong	Neutral	YEG	50	Neutral	Neutral	VPL	48	Neutral	Neutral
SAM	58	Strong	Strong	BSR	47	Neutral	Weak	VNM	52	Neutral	Weak	DCL	22	Weak	Weak	VJC	55	Strong	Neutral
ELC	44	Neutral	Weak	PLX	42	Neutral	Weak	DBC	46	Neutral	Weak	DBD	53	Neutral	Neutral	HVN	49	Strong	Weak
CMG	42	Neutral	Weak	POW	47	Neutral	Weak	BAF	44	Neutral	Weak	TNH	29	Neutral	Weak	SCS	55	Neutral	Neutral
MWG	49	Neutral	Weak	NT2	48	Neutral	Neutral	SAB	55	Strong	Neutral	JVC	40	Neutral	Weak	VNG	54	Neutral	Neutral
DGW	52	Strong	Neutral	GAS	42	Neutral	Weak	ANV	56	Strong	Neutral				HAX	48	Neutral	Neutral	
PET	59	Strong	Strong	GEG	44	Weak	Neutral	VHC	58	Strong	Neutral				DRC	41	Neutral	Weak	
FRT	47	Neutral	Weak	PPC	46	Neutral	Neutral	MCH	40	Weak	Weak								

Danh sách theo dõi

STT	Cổ phiếu	Giá hiện tại	Giá mục tiêu	Vùng mua tiềm năng	Lợi nhuận kỳ vọng (tính từ giá hiện tại)	Ghi chú
1	NLG	29.2	34	NA	NA	NLG đang được chiết khấu sâu và đang có dấu hiệu tạo đáy. Phù hợp với nhà đầu tư mua nắm giữ lâu dài. Điểm mua ngắn hạn cần chờ thêm
2	KDH	26.2	34	NA	NA	Nhóm bất động sản bị chiết khấu mạnh. KDH có sức khỏe tài chính lành mạnh được kì vọng là khoản đầu tư trung dài hạn. Chờ đợi các tín hiệu kĩ thuật trong ngắn hạn có thể mở mua mới
3	GEG	15.2	18	15.5	18.4%	Nhóm điện tái tạo được hưởng lợi do thời tiết, giá dầu và than tăng cao. GEG đang có xu hướng chững tăng

HSX

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	CCI	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	7.90 - 66.51	19.8	-20.4%
2	STG	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	12.75 - 44.50	30.6	-13.0%
3	REE	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	55.30 - 74.20	65.8	-10.2%
4	SVD	Hàng cá nhân & Gia dụng	2.91 - 7.48	3.2	-10.0%
5	SMA	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	7.31 - 110.20	8.0	-10.0%

* Thống kê đối với các mã có vốn hóa trên 2,000 tỷ VND

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
19.2%	6.1	4.08 - 6.20	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	ASP
19.2%	5.8	2.98 - 6.76	Bất động sản	LGL
17.5%	16.8	8.66 - 19.30	Bất động sản	NVL
14.4%	49.3	30.70 - 54.70	Ngân hàng	LPB
13.9%	8.8	4.43 - 11.50	Tài nguyên Cơ bản	TNT

HNX

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	HHC	Thực phẩm và đồ uống	95.00 - 167.00	109.7	-34.3%
2	KMT	Tài nguyên Cơ bản	8.10 - 13.20	8.1	-25.0%
3	AAV	Bất động sản	5.40 - 9.50	7.1	-21.1%
4	DNC	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	47.52 - 68.00	52.0	-14.8%
5	SDU	Xây dựng và Vật liệu	9.50 - 28.80	9.5	-14.4%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
44.3%	22.8	15.80 - 27.50	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	SFN
31.8%	25.7	18.00 - 31.00	Du lịch và Giải trí	SGH
25.2%	14.9	10.71 - 17.67	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	MAC
16.3%	11.4	8.90 - 12.80	Xây dựng và Vật liệu	V12
12.5%	9.0	7.50 - 13.00	Công nghệ Thông tin	VLA

Upcom

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	PJS	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	18.50 - 49.20	18.5	-39.9%
2	H11	Xây dựng và Vật liệu	5.40 - 18.00	9.8	-38.8%
3	HSI	Hóa chất	0.40 - 1.60	0.5	-28.6%
4	DND	Tiêu dùng không thiết yếu	6.80 - 13.50	9.5	-26.2%
5	DPC	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	6.30 - 18.60	7.3	-25.0%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
39.7%	31.3	13.00 - 31.30	Điện, Chứng khoán UP	Đốt UPC
38.9%	5.0	3.00 - 5.80	Du lịch và Giải trí	ONW
38.4%	13.5	8.20 - 15.80	Viễn thông	PTP
37.6%	23.5	9.80 - 25.10	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	TAB
37.3%	29.0	10.90 - 31.30	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	UDL

Nguồn: Bloomberg, Đvt: nghìn đồng

Top 10 cổ phiếu có giá trị giao dịch thay đổi đột biến so với tuần liền trước

STT	Mã	Tên công ty	Ngành	Giá trị giao dịch		Giá (nghìn VND)	Giá cổ phiếu	
				TB Ngày (Triệu VND)	%1W		Biến động 52 tuần	%1W
1	CDC	Chương Dương Corp	Xây dựng và Vật liệu	14,414.4	630.8	23.4	3.65 - 5.73	7.3
2	KLB	Ngân hàng Kiên Long	Ngân hàng	7,965.0	227.8	14.2	12.45 - 18.70	-2.4
3	BMI	Bảo hiểm Bảo Minh	Bảo hiểm	11,215.5	171.8	15.7	15.45 - 21.85	-9.0
4	TCI	Chứng khoán Thành Công	Dịch vụ tài chính	2,804.1	151.2	10.2	7.51 - 13.55	10.6
5	TRC	Cao su Tây Ninh	Hóa chất	3,173.3	148.1	72.6	58.80 - 86.70	1.8
6	NVL	Đầu tư Địa ốc No Va (Novaland)	Bất động sản	558,582.4	130.9	16.8	8.66 - 19.30	17.5
7	THG	XD Tiền Giang	Xây dựng và Vật liệu	1,232.3	117.1	45.3	42.00 - 59.60	3.0
8	SJS	SUDICO	Bất động sản	1,707.5	114.5	53.9	31.54 - 84.80	11.5
9	LPB	LienViet Post Bank	Ngân hàng	100,154.0	100.9	49.3	30.70 - 54.70	14.4
10	TCB	Techcombank	Ngân hàng	409,795.6	72.2	32.3	23.95 - 42.50	8.4

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam - Thống kê đối với các mã có vốn hóa trên 2,000 tỷ VND

Tỷ giá

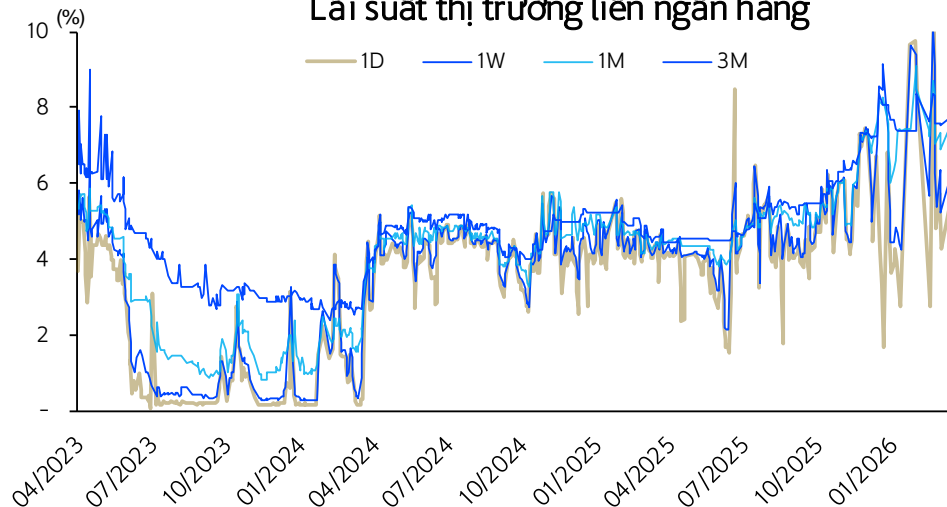
	Giá	%1W	%1M	%3M	%YTD	Xu hướng
Dollar index	98.94	-1.1	0.1	-0.2	0.6	
VND/USD	26,331	0.0	0.3	0.2	0.1	
KRW/USD	1,486.20	-1.6	1.4	1.2	3.2	
JPY/USD	159.32	-0.2	0.8	0.7	1.7	
EUR/USD	0.86	-1.4	-0.7	-0.2	0.5	
SGD/USD	1.28	-0.9	0.2	-0.8	-0.8	
CNY/USD	6.83	-0.7	-0.5	-2.0	-2.2	

Hàng hóa

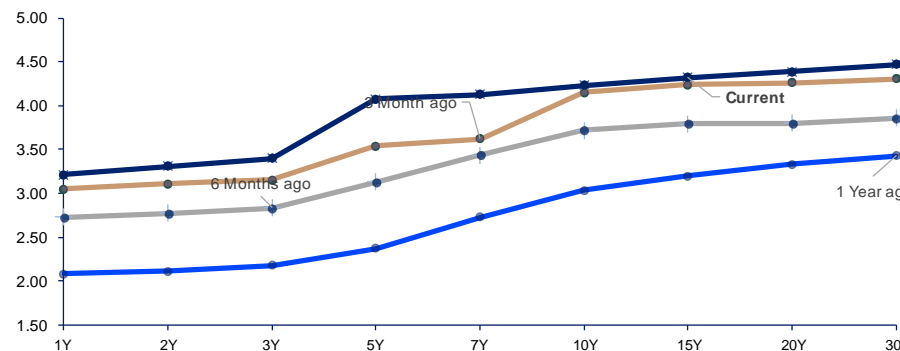
	Giá (USD)	%1W	%1M	%3M	%YTD	Xu hướng
Dầu thô	99.98	-10.4	19.8	69.1	74.1	
Xăng	304.95	-7.3	15.5	71.3	78.8	
Gas	2.68	-4.5	-11.4	-15.6	-27.4	
Than	135.50	-1.2	-1.6	26.3	26.0	
Vàng	4,741.00	1.4	-8.7	3.1	9.8	
Bạc	74.95	2.6	-15.1	-11.9	4.6	
Platinum	2,045.88	2.8	-7.1	-12.7	-0.7	
Quặng sắt	106.27	-1.1	3.3	-1.6	-0.8	
Thép cán	3,289.00	-0.2	0.9	0.0	0.6	
Lúa mì	577.75	NA	-1.2	11.7	14.0	
Ngô	445.75	NA	2.2	0.0	1.2	

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Lãi suất thị trường liên ngân hàng



Đường cong lãi suất trái phiếu chính phủ Việt Nam (%)



TG đáo hạn	1 Yr	2 Yrs	3 Yrs	5 Yrs	7 Yrs	10 Yrs	15 Yrs	20 Yrs	30 Yrs
Lãi suất	3.21	3.31	3.40	4.08	4.13	4.23	4.32	4.24	3.79
Thay đổi (WoW)	0.90	0.80	0.80	1.10	0.60	1.50	1.70	0.00	0.00

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

SEOUL

Shinhan Securities Co., Ltd
Shinhan Investment Tower
70, Youido-dong, Yongdungpo-gu,
Seoul, Korea 150-712
Tel : (82-2) 3772-2700, 2702
Fax : (82-2) 6671-7573

NEW YORK

Shinhan Investment America Inc.
1325 Avenue of the Americas Suite 702,
New York, NY 10019
Tel : (1-212) 397-4000
Fax : (1-212) 397-0032

HONG KONG

Shinhan Investment Asia Ltd.
Unit 7705 A, Level 77
International Commerce Centre
1 Austin Road West
Kowloon, Hong Kong
Tel : (852) 3713-5333
Fax : (852) 3713-5300

INDONESIA

PT Shinhan Sekuritas Indonesia
30th Floor, IFC 2, Jl. Jend. Sudirman Kav.
22-23, Jakarta, Indonesia
Tel : (62-21) 5140-1133
Fax : (62-21) 5140-1599

SHANGHAI

Shinhan Investment Corp.
Shanghai Representative Office
Room 104, Huaneng Union Mansion No.958,
Luijiazui Ring Road, PuDong, Shanghai, China
Tel : (86-21) 6888-9135/6
Fax : (86-21) 6888-9139

HO CHI MINH

Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd,
18th Floor. The Mett Tower. 15 Tran Bach Dang. Thu Thiem Ward.
Thu Duc City. Ho Chi Minh City. Vietnam.
Tel : (84-8) 6299-8000
Fax : (84-8) 6299-4232

HA NOI

Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd.
Hanoi Branch
2nd Floor, Leadvisors Building, No. 41A Ly Thai To,
Ly Thai To Ward, Hoan Kiem District,
Hanoi, Vietnam.
Tel : (84-8) 6299-8000



Thông báo tuân thủ

- Tôi/chúng tôi, với tư cách là chuyên viên/các chuyên viên chuẩn bị bản báo cáo này, cam kết nội dung trình bày ở trên phản ánh chính xác quan điểm của tôi/chúng tôi về các chủ đề chứng khoán và tổ chức phát hành được thảo luận trong bài nghiên cứu. Hơn nữa, tôi/chúng tôi cũng xác nhận rằng bài báo cáo này được soạn thảo mà không phải chịu bất kỳ áp lực hoặc sự can thiệp bất hợp lý nào từ bên ngoài.
- Bản báo cáo này là tài liệu tham khảo cho đầu tư dựa trên các dữ liệu trong quá khứ, vì thế những biến động giá cổ phiếu trong tương lai có thể khác với các xu hướng đã được hình thành.
- Các dữ liệu này phản ánh chính xác quan điểm của người phụ trách nghiên cứu và phân tích về chứng khoán của doanh nghiệp, nhưng các quan điểm và những ước tính này có thể có sai sót. Vì vậy, việc lựa chọn cổ phiếu và đưa ra quyết định đầu tư cuối cùng nên phụ thuộc vào chính mỗi nhà đầu tư.
- Các dữ liệu nghiên cứu và phân tích chỉ được gửi tới cho khách hàng của chúng tôi, do đó không được phép sao chép, chuyển tiếp, hay gửi lại cho các đơn vị khác trong mọi trường hợp mà chưa được sự cho phép của chúng tôi.

Miễn trừ trách nhiệm

- Báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing dành cho thị trường / chứng khoán Việt Nam được thực hiện và phát hành bởi Phòng Phân Tích của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, công ty được cấp giấy phép đầu tư của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Chuyên viên phân tích, người thực hiện và phát hành báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing, được cấp chứng chỉ hành nghề và được quản lý bởi UBCKNN Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.
- Báo cáo này được viết nhằm mục đích chỉ cung cấp thông tin. Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua hoặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi xây dựng bản báo cáo này, chúng tôi hoàn toàn đã không cân nhắc về các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư. Cho nên khi đưa ra các quyết định đầu tư cho riêng mình, các nhà đầu tư nên dựa vào đánh giá cá nhân hoặc tư vấn của chuyên gia tư vấn tài chính độc lập của mình và tùy theo tình hình tài chính cá nhân, mục tiêu đầu tư và các quan điểm thích hợp khác trong từng hoàn cảnh. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam không đảm bảo nhà đầu tư sẽ đạt được lợi nhuận hoặc được chia sẻ lợi nhuận từ các khoản đầu tư. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, hoặc các bên liên quan, và các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên tuyên bố miễn trừ trách nhiệm với các khoản lỗ hoặc tổn thất liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc một phần báo cáo này. Thông tin và nhận định có thể thay đổi bất cứ lúc nào mà không cần báo trước và có thể khác hoặc ngược với quan điểm được thể hiện trong các mảng kinh doanh khác của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Quyết định đầu tư cuối cùng phải dựa trên các đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing không thể được sử dụng như là chứng cứ cho các tranh chấp pháp lý liên quan đến các quyết định đầu tư.
- Bản quyền © 2020 của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.